

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **945**/STC-QLGCS&TC DN
V/v hướng dẫn thực hiện việc mua sắm
tài sản tập trung theo quy định
hiện hành của Nhà nước

Tuyên Quang, ngày **26** tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Văn phòng: Tỉnh ủy; UBND tỉnh; HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Các Tổ chức chính trị xã hội;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 03/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và chỉ đạo của UBND tỉnh Tuyên Quang trong việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 22/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Danh mục mua sắm máy móc, thiết bị mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Để việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan và giúp cho công tác mua sắm tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được thực hiện thống nhất, đồng bộ. Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung, cụ thể như sau:

I. Đối tượng thực hiện; phạm vi áp dụng; nguồn kinh phí thực hiện mua sắm tập trung.

1. Đối tượng thực hiện

a) Sở Tài chính thực hiện mua sắm tập trung đối với các tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

b) Sở Y tế thực hiện mua sắm tập trung đối với các tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện mua sắm tập trung đối với các tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (*Tại Điều 33, Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 quy định: Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm: 1. Trường tiểu học; 2. Trường Trung học cơ sở; 3. Trường Trung học phổ thông; 4. Trường phổ thông có nhiều cấp học*).

d) Các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (*đối với phần kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương*); Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ban quản lý dự án (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị) trực tiếp sử dụng tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Đơn vị đầu mối tổng hợp đăng ký mua sắm tập trung là các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị trực thuộc tỉnh (gọi chung là đơn vị dự toán cấp I), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc (gọi chung là Ủy ban nhân dân huyện, thành phố).

2. Phạm vi áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu và đủ điều kiện được mua sắm tài sản thuộc Danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh Tuyên Quang ban hành

kèm theo Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

3. Nguồn kinh phí thực hiện mua sắm tập trung gồm

- a) Kinh phí được cơ quan, người có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- b) Nguồn công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương;
- c) Nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ không có yêu cầu mua sắm khác với quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;
- d) Nguồn kinh phí từ quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn về quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;
- đ) Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;
- g) Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;
- h) Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập trong trường hợp mua sắm trang thiết bị y tế.

II. Quy trình thực hiện mua sắm tập trung

1. Đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực tiếp sử dụng tài sản công căn cứ tiêu chuẩn, định mức, dự toán mua sắm tài sản được cấp có thẩm quyền giao, nhu cầu và hiện trạng sử dụng tài sản để đề xuất nhu cầu mua sắm tài sản; có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tài sản tập trung gửi cơ quan quản lý cấp trên (sau đây gọi là đầu mối đăng ký mua sắm tập trung) để tổng hợp gửi Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là đơn vị mua sắm tập trung) **trước ngày 31 tháng 01 hàng năm**, để đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung thực hiện theo quy định. Hồ sơ, tài liệu đăng ký mua sắm tập trung gồm:

- Văn bản đề nghị mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký. Nội dung chủ yếu của văn bản đăng ký mua sắm tập trung gồm:
 - a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sau khi hoàn thành việc mua sắm;
 - b) Chung loại, số lượng tài sản mua sắm tập trung;
 - c) Dự toán, nguồn vốn thực hiện mua sắm tập trung và phương thức thanh toán;
 - d) Dự kiến thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản sau khi hoàn thành mua sắm và các đề xuất khác (nếu có);

- Biểu chi tiết đề nghị đăng ký mua sắm tập trung như Mẫu biểu số 01/TSC-CTMSTT kèm theo.

- Bảng tổng hợp nhu cầu đăng ký mua sắm tập trung như Mẫu số 03/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

- Quyết định mua sắm tài sản của cấp có thẩm quyền (theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 03/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang) hoặc Kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thời gian tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Danh mục mua sắm tài sản tập trung, văn bản đăng ký mua sắm tài sản tập trung của các cơ quan, đơn vị trực thuộc đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung theo Mẫu số 03/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ gửi cơ quan được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung (đơn vị thực hiện mua sắm tập trung) **trước ngày 31 tháng 01 hàng năm**, để đơn vị thực hiện mua sắm tập trung thực hiện các bước công việc theo quy định tại Khoản 1, Điều 72 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

Trường hợp nếu quá thời hạn quy định trên đây mà cơ quan, tổ chức, đơn vị và đầu mối đăng ký mua sắm tập trung không gửi văn bản đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung về đơn vị mua sắm tập trung thì coi như cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, không có nhu cầu mua sắm tài sản đã được giao dự toán mua sắm thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung và không được phép mua sắm tài sản đó;

Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị và đầu mối đăng ký mua sắm tập trung gửi văn bản đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung về đơn vị mua sắm tập trung để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đơn vị mua sắm tập trung căn cứ thỏa thuận khung đã được ký kết (nếu có), quy định của pháp luật về đấu thầu để áp dụng hình thức mua sắm phù hợp.

3. Thực hiện mua sắm tập trung

3.1. Lập kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản

Căn cứ nhu cầu mua sắm tập trung của các đầu mối đăng ký mua sắm tập trung theo Mẫu số 03/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, đơn vị thực hiện mua sắm tập trung lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm tập trung tổ chức thực hiện đấu thầu công khai,

lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản cần mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm;

Căn cứ kết quả đấu thầu, đơn vị thực hiện mua sắm tập trung phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thực hiện công bố công khai tổ chức được lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản cần mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm.

3.2. Mua sắm tập trung theo cách thức ký thoả thuận khung

Căn cứ văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản cần mua sắm, đơn vị thực hiện mua sắm tập trung thực hiện ký thoả thuận khung với nhà thầu cung cấp tài sản đã được lựa chọn. Thoả thuận khung về mua sắm tập trung được lập thành văn bản theo Mẫu số 04/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

a) Đơn vị thực hiện mua sắm tập trung có trách nhiệm đăng tải danh sách các nhà thầu được lựa chọn, thoả thuận khung ký kết giữa nhà thầu và đơn vị mua sắm tập trung, tài liệu mô tả tài sản, mẫu hợp đồng mua sắm trên Trang thông tin điện tử về tài sản công hoặc Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công (đối với tất cả các gói thầu mua sắm tập trung) và Cổng thông tin điện tử của tỉnh (đối với các gói thầu mua sắm tập trung của tỉnh);

b) Thông báo bằng hình thức văn bản đến các cơ quan, đơn vị gửi nhu cầu mua sắm tập trung về đơn vị mua sắm tập trung, cụ thể:

Căn cứ thoả thuận khung đã ký, đơn vị thực hiện mua sắm tập trung thông báo bằng hình thức văn bản về nội dung thoả thuận khung mua sắm tập trung giữa đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu cung cấp tài sản được lựa chọn đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực tiếp sử dụng tài sản biệt, làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản đã được lựa chọn.

3.3. Ký kết hợp đồng mua sắm tài sản

3.3.1. Trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký thoả thuận khung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký Hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu đã được đơn vị mua sắm tập trung ký thoả thuận khung trong thời hạn do đơn vị mua sắm tập trung thông báo.

Nếu quá thời hạn do đơn vị mua sắm tập trung thông báo, cơ quan, tổ chức, đơn vị không ký Hợp đồng mua sắm tài sản đã đăng ký thì không được phép mua sắm tài sản đó và bị thu hồi dự toán; đồng thời người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký mua sắm tập trung có trách nhiệm nộp tiền vi phạm thoả thuận khung giữa đơn vị mua sắm tập trung với nhà thầu trúng thầu đã ký và bồi thường thiệt hại cho nhà thầu trúng thầu theo quy định.

Trường hợp tại thời điểm ký hợp đồng mua sắm tài sản, giá bán tài sản do nhà cung cấp thấp hơn giá trúng thầu mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đàm phán với nhà thầu để giảm giá, bảo đảm giá mua không cao hơn giá do nhà cung cấp công bố tại thời điểm ký thoả thuận khung.

Hợp đồng mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản được gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung hoặc đăng nhập thông tin về Hợp đồng mua sắm tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng của Bộ Tài chính.

3.3.2. Trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp, đơn vị mua sắm tập trung đàm phán, ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu được lựa chọn.

3.3.3. Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản theo Mẫu số 05a/TSC-MSTT, Mẫu số 05b/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3.4. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản

3.4.1. Trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức thỏa thuận khung, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được thực hiện giữa nhà thầu cung cấp tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết.

3.4.2. Trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp, căn cứ hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết, đơn vị mua sắm tập trung thông báo kế hoạch và thời gian bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chậm nhất là 15 ngày trước ngày bàn giao.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được thực hiện giữa ba bên (nhà thầu cung cấp tài sản, đơn vị mua sắm tập trung và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản). Địa điểm bàn giao, tiếp nhận tài sản cần phải thuận lợi cho cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng tài sản và thực hiện tiết kiệm chi phí khi bàn giao, tiếp nhận tài sản.

3.4.3. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải lập thành Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại Mẫu số 06/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan, gồm:

- a) Hợp đồng mua sắm tài sản: 01 bản chính;
- b) Hóa đơn bán hàng: 01 bản chính hoặc bản sao theo quy định;
- c) Phiếu bảo hành: 01 bản chính;
- d) Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bản chính;
- đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3.4.4. Sau khi hoàn thành việc mua sắm tài sản (bàn giao, tiếp nhận tài sản, thanh lý hợp đồng...) cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện mua sắm gửi đơn vị thực hiện mua sắm tập trung. Tài liệu gửi kèm theo báo cáo bao gồm:

- Hợp đồng mua sắm tài sản (bản chính);
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (bản chính);
- Biên bản thanh lý Hợp đồng (bản chính);
- Hóa đơn bán hàng (bản sao).

3.4.5. Bàn giao tài sản cho bộ phận hoặc người trực tiếp quản lý, sử dụng

Sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị mua sắm tài sản, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản cho bộ phận hoặc người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản đề nghị thực hiện theo mẫu số C34-HD, C50-HD, C54-HD Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (có mẫu biểu kèm theo).

4. Thanh toán tiền mua sắm tài sản

4.1. Trường hợp mua sắm tập trung theo cách thỏa thuận khung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho nhà thầu được lựa chọn.

4.2. Trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp, việc thanh toán cho nhà thầu cung cấp tài sản thông qua hai hình thức:

a) Đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền thanh toán cho nhà thầu cung cấp tài sản;

b) Đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho đơn vị mua sắm tập trung để thanh toán cho nhà thầu.

4.3. Việc thanh toán tiền mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

4.4. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định của pháp luật. Hồ sơ kiểm soát chi bao gồm:

a) Dự toán năm hoặc kế hoạch vốn đầu tư năm của chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền giao;

b) Hợp đồng mua sắm tài sản theo mẫu số 05a/TSC-MSTT, mẫu số 05b/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

c) Bảo lãnh tạm ứng (nếu có);

d) Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản theo mẫu số 06/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

đ) Giấy rút dự toán/Giấy rút vốn đầu tư; Giấy đề nghị thanh toán (nếu có); Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử hoặc giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi (trong trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi);

e) Văn bản của đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình dự án chuyển tiền cho nhà thầu cung cấp tài sản được lựa chọn theo hợp đồng đã ký (trong trường hợp đơn vị mua sắm tập trung đề nghị Cơ quan quản lý, chương trình, dự án chuyển tiền thanh toán cho nhà thầu cung cấp tài sản);

g) Văn bản của đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mua sắm tập trung; Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử (trong trường hợp mua sắm tập trung đề nghị Cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho đơn vị mua sắm tập trung để thanh

toán cho nhà thầu cung cấp tài sản). Đối với văn bản chuyển tiền này, ngoài các thông tin liên quan đến việc mua sắm tài sản, cần ghi rõ số tiền đề nghị chuyển, số tài khoản tiền gửi của đơn vị mua sắm tập trung và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản tiền gửi.

5. Công khai tài sản

- Tại khoản 2 Điều 121 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, quy định: “*Căn cứ dự toán ngân sách được giao, cơ quan, tổ chức, đơn vị công khai dự toán, số lượng, chủng loại, kế hoạch và phương thức đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công và kết quả thực hiện của đơn vị mình, trừ trường hợp không được công khai theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật của nhà nước.*”

Thời điểm công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày dự toán được phân bổ, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công. Thời hạn công khai là 30 ngày.”

- Tại điểm c khoản 3 Điều 121 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, quy định: “*Cơ quan, tổ chức, đơn vị công khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan hoặc công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.*”

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm công khai tài sản chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc mua sắm tài sản công theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan hoặc công bố tại cuộc họp theo các biểu mẫu được quy định tại Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính. Đồng gửi báo cáo công khai tài sản đến cơ quan Tài chính cùng cấp và đơn vị dự toán cấp I (nếu có).

6. Quản lý thu, chi liên quan đến mua sắm tập trung: thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các văn bản hiện hành của pháp luật có liên quan.

III. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi tổ chức mua sắm tài sản thuộc Danh mục tài sản mua sắm tập trung có trách nhiệm thực hiện đúng quy định hiện hành về mua sắm tập trung và chỉ được thực hiện mua sắm, sử dụng tài sản đó sau khi có thông báo của Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm tập trung quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 1 Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về thỏa thuận khung hoặc thông báo kế hoạch bàn giao tài sản.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm tập trung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 1 Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm tổ chức mua sắm tập trung theo quy định, giám sát quá trình thực hiện. Thực hiện công khai mua sắm tập trung và báo cáo kết quả thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.

3. Kho Bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát chi đối với các khoản mua sắm từ ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Thực hiện từ chối thanh toán các khoản kinh phí mua sắm tài sản thuộc Danh mục mua sắm tập trung nhưng không thực hiện mua sắm tập trung hoặc hợp đồng mua sắm tài sản không phù hợp với thỏa thuận khung và quy định tại Khoản 4 Điều 79 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Mẫu tài liệu đấu thầu và các nội dung khác: Thực hiện theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Công văn số 2200/STC-QLG&CS ngày 30/12/2020 của Sở Tài chính và các văn bản chế độ chính sách hiện hành có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng thực hiện hướng dẫn này có sự thay đổi thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức nếu có phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện thì phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để xem xét, phối hợp giải quyết. Nếu vượt quá thẩm quyền thì Sở Tài chính sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *thob*

Nơi nhận: *A*

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, QLGCS&TCĐN (Hà).



Trương Quốc Khánh



(Kèm theo Công văn số 945 /STC-QLGCS&TCDN ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Sở Tài chính)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ.....

BIỂU CHI TIẾT ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ MUA SẴM TẬP TRUNG

I- Báo cáo tài sản hiện có:

Số TT	Tên tài sản	Thông số kỹ thuật, ký, mã hiệu tài sản hiện đang quản lý, sử dụng	Đơn vị tính	Căn cứ sổ sách kế toán đến ngày / /20... (đồng)				Ghi chú
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại	Nguồn kinh phí	
A	B	C	D	2	3	4	5	6
1								
2								
3								
...	...							
	Tổng cộng							

II- Danh mục tài sản còn thiếu so với tiêu chuẩn định mức đề nghị đăng ký mua sắm tập trung:

Số TT	Tên tài sản (hiện có và tài sản đề nghị mua sắm)	Đơn vị tính	Số biên chế được giao	Số biên chế hiện có	Số lượng cần trang bị (theo tiêu chuẩn định mức của nhà nước)	Số tài sản hiện có	Danh mục tài sản đề nghị mua sắm tập trung					Các đề xuất khác	Ghi chú
							Số lượng đề nghị mua sắm (còn thiếu theo tiêu chuẩn định mức)	Dự toán (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản		
A	B	1	2	3	4	5	6=(4-5)	7	8	9	10	11	12
1													
2													
...	...												
Tổng cộng													

Kế toán trưởng
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

...ngày.....tháng....năm....
Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức....
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GỬI HƯỚNG DẪN

(Kèm theo Công văn số 945/STC-QLGCS&TCĐN ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
4	Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
7	Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh	
8	Sở Xây dựng	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	
10	Sở Tư pháp	
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
12	Văn phòng Điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới	
13	Sở Công thương	
14	Trường Chính Trị	
15	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - Công nghệ	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	
17	Trường Đại học Tân Trào	
18	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT tỉnh	
19	Trường Trung học phổ thông Chuyên	
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	
21	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	
22	Bệnh viện Y dược cổ truyền	
23	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	
24	Bệnh viện Phổi	
25	Sở Y tế	
26	Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen	
27	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
28	Trung tâm Văn hoá - Thể thao Thanh thiếu nhi	
29	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	
30	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
31	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
32	Ban Dân tộc	
33	Sở Nội vụ	
34	Sở Ngoại vụ	
35	Sở Tài chính	
36	Sở Giao thông vận tải	
37	Văn phòng Ban an toàn giao thông	
38	Thanh tra tỉnh	
39	Chi cục Kiểm Lâm	
40	Liên minh Hợp tác xã	
41	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	
42	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh BCH Đoàn tỉnh Tuyên Quang	
43	Hội Nông dân tỉnh	
44	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	
45	Hội Cựu chiến binh	
46	Hội Đông y	
47	Hội Văn học nghệ thuật	
48	Hội Nhà báo	
49	Hội Chữ thập đỏ	
50	Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh	
51	Hội Làm vườn	
52	Ban đại diện Hội người cao tuổi	
53	Câu Lạc bộ Tân Trào	
54	Hội Cựu Giáo chức	
55	Hội Khuyến học	
56	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN	
57	Hội Luật gia	
58	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	
59	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi	
60	Hội Liên hiệp thanh niên	
61	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	
62	Hội Cựu thanh niên xung phong	
63	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang	

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
64	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tuyên Quang	
65	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang	
66	Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang	
67	Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình	
68	Ủy ban nhân dân huyện Na Hang	
69	Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	
70	Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên	
71	Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn	
72	Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	